

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2018/DS-ST  
Ngày: 12-9-2018  
V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp  
hụi giữa bà M với bà Y.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Đông Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Thạch Út

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 về “*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 162/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn:*** Bà T T T M, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 08, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

***2.Bị đơn:*** Bà P T Y, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 04, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 08-01-2018, Biên bản lấy lời khai ngày 08-3-2018, nguyên đơn bà T T T M trình bày:* Bà có tham gia chơi các dây hụi do bà P T Y làm chủ như sau:

+Dây hụi 1.000.000đ, hụi kỳ, 15 ngày khui một lần, khui lần đầu ngày 15-01-2017 âm lịch, nhằm ngày 11-02-2017, tổng số 35 phần, bà tham gia 2 phần

lấy tên M trong danh sách hụi. Hụi khui đến lần thứ 23 ngày 15-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 01-01-2018 thì ngưng do bà Y tuyên bố bẻ hụi. Bà chỉ đóng hụi sống đến lần thứ 21, còn lần thứ 22 bà không đóng hụi.

1 phần hụi còn sống, bà đóng hụi sống 21 lần là 15.480.000đ.

1 phần hụi đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 20 ngày 29-9-2017 âm lịch nhằm ngày 17-11-2017. Bà đóng hụi chết 1 lần vào ngày 15-10-2017 âm lịch, nhằm ngày 02-12-2017. Bà nợ 14 lần hụi chết.

+Dây hụi ngày 100.000đ, khui lần đầu ngày 01-8-2017 âm lịch, tổng số 90 phần, bà tham gia 10 phần, hụi đã mãn. Bà Y giao tiền hốt hụi cho bà là 53.500.000đ, còn nợ lại 35.500.000đ.

Nay bà yêu cầu bà P T Y có nghĩa vụ trả lại bà tiền đóng hụi sống là 42.500.000đ, không yêu cầu tính lãi.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T T T M trình bày:* Bà tự nguyện đồng ý khấu trừ 14.000.000đ tiền hụi chết còn nợ bà Y; bà chỉ yêu cầu bà Y trả lại số tiền nợ hụi là 35.980.000đ, không yêu cầu tính lãi.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15-3-2018, bị đơn bà P T Y trình bày:* Bà T T M có tham gia chơi các dây hụi do bà làm chủ như sau:

+Dây hụi 1.000.000đ, hụi kỳ, 15 ngày khui một lần, khui lần đầu ngày 15-01-2017 âm lịch, nhằm ngày 11-02-2017, tổng số 35 phần, bà M tham gia 2 phần lấy tên M trong danh sách hụi. Hụi khui đến lần thứ 23 ngày 15-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 01-01-2018 thì ngưng do bẻ hụi. Bà M chỉ đóng hụi sống đến lần thứ 21, còn lần thứ 22 bà M không đóng hụi.

1 phần hụi còn sống, bà M đóng hụi sống 21 lần là 15.480.000đ.

Còn 1 phần hụi đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 20 ngày 29-9-2017 âm lịch nhằm ngày 17-11-2017. Bà M đóng hụi sống 19 lần là 14.120.000đ, lần thứ 20 bà M hốt hụi, sau đó bà M đóng 1 lần hụi chết là 1.000.000đ. Bà M nợ 14 lần hụi chết là 14.000.000đ.

+Dây hụi ngày 100.000đ, khui lần đầu ngày 01-8-2017 âm lịch, tổng số 90 phần, bà M tham gia 10 phần, hụi đã mãn. Bà đã giao tiền hốt hụi cho bà M là 53.500.000đ, còn nợ lại bà M 34.500.000đ.

Nay trước yêu cầu đòi tiền đóng hụi sống của bà M, bà xác định còn nợ tiền đóng hụi sống của bà M là 15.480.000đ và 34.500.000đ, tổng cộng là 49.980.000đ, khấu trừ 14 lần hụi chết là 14.000.000đ, bà còn nợ bà M là 35.980.000đ, bà đồng ý trả cho bà M số tiền trên, yêu cầu bà M không tính lãi. Về phương thức thanh toán bà sẽ bán tài sản để trả nợ.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:*

*1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

*2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn bà P T Y, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Y vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn bà Y.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào đơn khởi kiện. Đối chiếu quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng góp hội.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ địa chỉ bị đơn, đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ danh sách hội do nguyên đơn cung cấp; Biên bản lấy lời khai của bà T T T M ngày 08-3-2018 và Biên bản bản lấy lời khai của bà P T Y ngày 15-3-2018. Ngày 08-01-2018, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 429; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ danh sách hội do nguyên đơn cung cấp (bút lục 02, 03);

Căn cứ Biên bản lấy lời khai bà T T T M ngày 08-3-2018 (bút lục 24 – 26);

Căn cứ Biên bản lấy lời khai bà P T Y ngày 15-3-2018 (bút lục 27 – 29),

Từ các căn cứ trên có cơ sở kết luận giữa nguyên đơn bà M và bị đơn bà Y có phát sinh quan hệ hợp đồng góp hội, việc góp hội này đã không kết thúc mà bị bẻ hội vào tháng 11/2017 âm lịch.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày số tiền nợ hội là 42.500.000đ và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền này, không yêu cầu tính lãi. Tại biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày số tiền nợ hội là 42.500.000đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đóng hội sống là 49.980.000đ, tự nguyện đồng ý khấu trừ 14.000.000đ tiền hội chết còn nợ bị đơn, còn lại là 35.980.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn trình bày số tiền đóng hội sống của nguyên đơn là 49.980.000đ, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này nhưng yêu cầu được khấu trừ tiền hội chết nguyên đơn còn nợ là 14.000.000đ, bị đơn yêu cầu được bán tài sản trả nợ dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp hiệu lực của hợp đồng góp hội. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hội sống đã

đóng, không yêu cầu tính lãi. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét hiệu lực của hợp đồng góp hụi.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thống nhất số tiền đóng hụi sống của nguyên đơn các dây hụi là 49.980.000đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đóng hụi sống là 49.980.000đ, tự nguyện đồng ý khấu trừ 14.000.000đ tiền hụi chết còn nợ bị đơn; nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ hụi là 35.980.000đ, không yêu cầu tính lãi.

[5.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn bà T T T M:* Xét mối quan hệ tranh chấp trên, Hội đồng xét xử nhận thấy phía bị đơn là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hụi, dẫn đến dây hụi bị bể hụi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hụi sống đã đóng, không yêu cầu tính lãi. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán một lần số tiền nợ hụi là 35.980.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 và Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] *Đối với bị đơn bà P T Y trình bày:* Thống nhất và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi là 35.980.000đ, nhưng không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, bị đơn bà Y phải chịu hậu quả pháp lý của việc không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa.

[6] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M, nên bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà M 1.087.000đ (một triệu không trăm tám mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003257 ngày 18-01-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Y có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn bà M 35.980.000đ nên bị đơn bà Y phải chịu 1.799.000đ (một triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà T T T M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12-9-2018).

Bị đơn bà P T Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Điều 429; Điều 471; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T T T M.

[2] Buộc bị đơn bà Phan Thị Yến phải trả một lần cho nguyên đơn bà T T T M số tiền nợ hui là 35.980.000đ (ba mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[4] *Về án phí:*

Hoàn trả cho nguyên đơn bà T T T M 1.087.000đ (một triệu không trăm tám mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003257 ngày 18-01-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn bà P T Y phải chịu 1.799.000đ (một triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn bà T T T M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12-9-2018).

Bị đơn bà P T Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lý Đông Hoà**